

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 11 - 2021

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đới;
2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2021/QĐXX-ST ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh Ph, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị N như sau:

Bà N và ông Trần Minh Ph chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 13/01/2020. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ph thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Ph.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Lê Nhật H, sinh ngày 15/7/2007 và Trần Lê Nhật Đ, sinh ngày 20/01/2009. Các con hiện đang sống với ông Ph. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Minh Ph trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

Ông và bà N kết hôn lần đầu vào năm 2007 đến năm 2013, ông bà ly hôn. Đến ngày 13/01/2020, ông bà đăng ký kết hôn lần hai tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N đã dọn ra ở riêng từ đó đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Lê Nhật H, sinh ngày 15/7/2007 và Trần Lê Nhật Đ, sinh ngày 20/01/2009. Hiện 02 con đang sống với ông. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị N nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Minh Ph có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Bà N và ông Ph đều xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Ph tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 13/01/2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông Ph thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Ông bà đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Bị đơn ông Ph đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, bà N và ông Ph đều thừa nhận vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn giữa hai bên không hòa giải được. Ông bà đã từng ly hôn vào năm 2013, năm 2020 đăng ký kết hôn lại và tiếp

tục chung sống nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông Ph đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Trần Minh Ph là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị N.

Về con chung: Bà N và ông Ph có 02 con chung tên Trần Lê Nhật H, sinh ngày 15/7/2007 và Trần Lê Nhật Đ, sinh ngày 20/01/2009. Khi ly hôn, bà N và ông Ph thống nhất để ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Huy và Đ đều đang sống cùng ông Ph, cuộc sống ổn định. Các đương sự cũng thống nhất để ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào điều kiện của các bên, quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Lê Nhật H, sinh ngày 15/7/2007 và Trần Lê Nhật Đ, sinh ngày 20/01/2009 cho ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph không yêu cầu nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị N về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Trần Minh Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Trần Minh Ph.

Về con chung: Ông Trần Minh Ph được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Nhật H, sinh ngày 15/7/2007 và Trần Lê Nhật Đ, sinh ngày 20/01/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Ph không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008786 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà N đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho